

QUÁ TRÌNH Ý NIỆM HÓA VÀ CÁCH THỨC ĐỊNH DANH TÊN GỌI MÀU SẮC TRONG NGÔN NGỮ

TRỊNH THỊ THU HIỀN*

Tóm tắt: Bài viết tìm hiểu về quá trình ý niệm hóa và cách thức định danh tên gọi của các màu sắc trong ngôn ngữ - một trong những vấn đề quan trọng của sự tri nhận về thế giới thực tại của con người. Tìm hiểu được việc này, các nhà nghiên cứu từ điển học có thể tìm hiểu sâu hơn ý nghĩa cũng như những cơ chế tạo sinh nên các nghĩa mới của các từ chỉ màu sắc khi được định nghĩa trong các cuốn từ điển giải thích của mỗi ngôn ngữ.

Từ khóa: Từ chỉ màu sắc, ý niệm hóa, định danh, từ điển.

Abstract: The article studies the process of conceptualization and the way of nomination of color in languages - one of the important issues of human perception of the real world. Thereby, people, especially lexicographers, can research further on the meanings and mechanisms of creating new meanings of color words as defined in explanatory dictionaries of each language.

Keywords: Color words, conceptualization, nomination, dictionary.

1. Dẫn nhập

Bản chất của màu sắc mang tính vật lý, và mỗi màu sắc có thể được chỉ ra dưới dạng những thuộc tính vật lý của ánh sáng như: bước sóng hay là năng lượng tương đối, ví dụ “ở một bước sóng khoảng giữa 0,44 μm đến 0,400 μm phạm vi được chia ra

thấy màu tím (purple), khoảng 0.75 μm đến 0,640 μm là màu xanh da trời (blue), bước sóng nằm trong khoảng 0.75 μm đến 0,640 μm là màu đỏ (red), 0,64 μm đến 0,58 μm là màu vàng (yellow),...” [6, tr.101].

Tuy nhiên, theo các nhà khoa học, “tên của các từ chỉ màu sắc đã có từ rất lâu, trước học thuyết bước sóng và ánh sáng hàng nghìn năm” [6, tr.101]. Như vậy, rõ ràng, khi nói đến màu sắc cụ thể nào đó của các sự vật trong tự nhiên, chúng ta không nhằm tới những thuộc tính vật lý của ánh sáng, bởi chúng không liên quan đến việc thiết lập tên gọi cũng như nghĩa của các từ chỉ màu.

Trong bài viết này, chúng tôi muốn bàn tới việc ý niệm hóa và gọi tên (định danh) những khái niệm được hình thành trong quá trình nhận thức về màu sắc của con người.

2. Khái niệm về ý niệm hóa, định danh và màu sắc

2.1. Khái niệm ý niệm hóa

Theo quan điểm của khoa học tri nhận, ngôn ngữ vừa là sản phẩm của hoạt động tri nhận, vừa là công cụ của hoạt động tri nhận của con người, vì thế, cấu trúc và chức năng của ngôn ngữ có thể được coi là kết quả và sự phản ánh hoạt động tri nhận của con người.

* ThS - Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam; Email: mebinbong19a@gmail.com

Với cách tiếp cận mới này, ý thức được hiểu là nơi tập trung tất cả vốn kinh nghiệm tinh thần mà một con người tích lũy được trong suốt đời mình. Nó phản ánh những ấn tượng, những cảm giác, những biểu tượng, và những hình ảnh dưới dạng các ý niệm (concept) hay các ý (sense) của một hệ thống ý niệm thống nhất. Vì thế, “quá trình ý niệm hóa là một trong hai yếu tố quan trọng của hoạt động tư duy và ý thức của con người” [3, tr.20-21].

Như vậy, chúng ta có thể hiểu, ý niệm hóa là sự phản ánh những ấn tượng, những cảm giác, những biểu tượng và những hình ảnh mà con người thu nhận được thông qua quá trình tri nhận thế giới bằng các giác quan, được biểu đạt thành các ý niệm trong tư duy và ý thức của một con người.

2.2. Khái niệm định danh

Trong thực tế cuộc sống, trước các sự vật hiện tượng, con người có nhu cầu định danh những sự vật hiện tượng đó, tức là cần đến các tên gọi cho các đối tượng xung quanh trong thế giới khách quan, bởi vậy, định danh thể hiện khả năng tư duy của con người và giúp ích cho tư duy của con người.

Theo Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học, định danh là “Sự cấu tạo các đơn vị ngôn ngữ có chức năng dùng để gọi tên, chia tách các đoạn của hiện thực khách quan trên cơ sở đó hình thành những khái niệm tương ứng về chúng dưới dạng các từ, cụm từ, ngữ cú và câu” [4, tr.12].

Muốn định danh một sự vật hiện tượng mới, người ta sử dụng những hình thức đã biết để biểu hiện một nội dung mới theo mô hình nhất định.

Có hai phương thức định danh:

+ *Định danh trực tiếp (gọi tên)*: 1. Sử dụng tổ hợp âm biểu thị đặc trưng nào đó

trong số các đặc trưng của đối tượng; 2. Mô phỏng âm thanh (tượng thanh); 3. Phái sinh; 4. Ghép từ; 5. Cấu tạo các biểu ngữ đặc ngữ; 6. Sao phỏng; 7. Vay mượn.

+ *Định danh gián tiếp*: Còn gọi là định danh thứ cấp, được thể hiện trong hiện tượng chuyển nghĩa ẩn dụ, hoán dụ,... [4, tr.13].

Vì đối tượng của bài viết là cách thức định danh TÊN GỌI màu sắc (nghĩa cơ sở, nghĩa gốc), nên chúng tôi dựa trên cơ sở theo phương thức định danh trực tiếp, mà cụ thể là *Sử dụng tổ hợp âm biểu thị đặc trưng nào đó trong số các đặc trưng của đối tượng*.

Chúng tôi không theo phương thức định danh gián tiếp, vì phương thức này được sử dụng cho nghiên cứu sâu hơn về các hiện tượng phái sinh nghĩa (chuyển nghĩa) của các phạm trù từ vựng nói chung, các từ chỉ màu sắc nói riêng.

2.3. Khái niệm màu sắc

Màu sắc tồn tại trong thế giới khách quan với hai dạng là *màu sắc thiên nhiên* và *màu sắc nhân tạo*. Đối tượng nghiên cứu của bài viết là *màu sắc thiên nhiên* - những màu sắc của vật chất vốn có trong thế giới tự nhiên.

Màu sắc thiên nhiên được tạo thành do sự tương tác giữa ánh sáng chiếu vào với bề mặt của vật mang màu. Sự tương tác này chính là sự hấp thu có chọn lọc các tia sáng có bước sóng khác nhau trong ánh sáng chiếu vào và sự phản xạ lại những phần còn lại của ánh sáng. Để có sự cảm nhận màu sắc của vật, cần phải có đủ ba yếu tố là *nguồn sáng*, *vật mang màu* và *người quan sát* (không có sự tham gia của mắt người thì không có ý niệm về màu sắc). Như vậy cái mà chúng ta gọi là màu sắc, để có thể nhìn thấy được, là kết quả của hai hiện tượng hóa lý - quá trình ánh sáng tương tác với các phân tử chất, và quá trình tác động lên võng mạc con người của những sóng phát ra từ chất đó [7, tr.45].

3. Quá trình ý niệm hóa màu sắc

Màu sắc cơ sở (ý niệm về màu sắc) là kết quả của sự tri nhận màu sắc trong thế giới thực tế, tồn tại trong trí não con người, nên tư duy và sự vận động của nó là phương tiện giúp cho các quá trình ý niệm hóa, mà cụ thể ở đây là *quá trình ý niệm hóa màu sắc*. Có thể hiểu quá trình ý niệm hóa màu sắc trong tư duy và ý thức của con người như sau:

Bước 1: Con người cảm thụ màu sắc trong thực tế

Trong thực tế đời sống, con người nhìn thấy các màu sắc bằng mắt (trực quan), tức là, mắt cảm thụ màu sắc và phân biệt các sắc thái màu khác nhau trong thiên nhiên. Khi mắt nhận được thông tin màu dưới dạng năng lượng sóng của ánh sáng thì hệ thống dây thần kinh thị giác sẽ truyền hình ảnh ấy về não, tại đây não sẽ tập hợp thông tin và dựng lên các yếu tố về màu sắc của vật.

Bước 2: Hình thành các ý niệm về màu sắc trong não

Tiếp đó, nhờ những phản ứng thần kinh về các hình ảnh màu sắc được mắt người thu nhận vào trong não bộ, những cảm giác về màu sắc của con người xuất hiện trong não, đó chính là các ý niệm về màu sắc trong não.

Bước 3: Hình thành các ý niệm về màu sắc trong ý thức

Hình thành các ý niệm về màu sắc trong trí não, sau đó sẽ được quy chiếu vào sự vật nào đó có cùng đặc trưng trong môi trường sống mà con người đã quen thuộc, từ đó hình thành nên những ý niệm về màu sắc trong tư duy của con người.

Từ đây, có thể thấy việc *nhìn thấy* màu sắc bằng mắt không thể trực tiếp tạo thành các từ chỉ màu sắc ngay được, vì chúng ta phải thể liên hệ những cảm giác về màu sắc trong não với những sự vật thực tế nào đó trong thế giới tự nhiên có đặc trưng tương tự. Những sự vật

này rất phổ quát trong thực tế, được gọi là những vật mẫu; “chúng có thể là *lửa, mặt trời, rau và bầu trời* (cũng như *ngày và đêm*). Chính những vật mẫu này đã tạo thành những *điểm quy chiếu cơ bản* trong việc ý niệm hóa về màu sắc của con người” [6, tr.25].

Như vậy, theo cách hiểu của chúng tôi, để có được các ý niệm về màu sắc biểu hiện trong ngôn ngữ, phải có quá trình chuyển hóa từ *sự cảm nhận màu sắc bằng thị giác* (những biểu hiện thần kinh về màu sắc) thành các cảm giác về màu sắc (các ý niệm về màu sắc) trong não, sau đó là sự liên hệ giữa các ý niệm về màu sắc trong não với đặc trưng của vật mẫu phổ quát nào đó vốn đã nằm trong kho lưu trữ kinh nghiệm trong ký ức của chúng ta.

Điều này đúng với nhận xét của Wierzbicka rằng: “ngôn ngữ phản ánh những sự ý niệm hóa” [6, tr.149].

Có thể hiện thực hóa quá trình ý niệm hóa màu sắc trong ví dụ dưới đây về màu *xanh*.

Khi mắt chúng ta nhìn thấy màu *xanh*, hệ thống thần kinh thị giác sẽ truyền hình ảnh ấy về não, ngay lúc ấy, những cảm giác về màu *xanh* sẽ xuất hiện trong não dưới dạng các ý niệm về màu *xanh*, sau đó, các cảm giác - ý niệm này được não của chúng ta quy chiếu vào vật mẫu có đặc trưng màu sắc tương tự đã được lưu trữ trong não (cụ thể, với màu *xanh*, vật mẫu ở đây là *cây cối, rau, bầu trời,...*); từ đó hình thành nên ý niệm về màu *xanh* trong tư duy chúng ta. Đó chính là quá trình ý niệm hóa màu *xanh*.

Tóm lại, con đường hình thành nên những ý niệm về màu sắc trong tư duy của con người là một quá trình gián tiếp, nên cách nối kết sự nhìn nhận màu sắc bằng những vật mẫu cụ thể trong thế giới thực tại để tạo thành những điểm quy chiếu cơ bản cho việc ý niệm hóa màu sắc cũng chính là cách ý niệm hóa các kinh nghiệm (các tri

thức được tích lũy và lưu trữ trong ký ức của chúng ta trong quá trình tri nhận về thế giới).

4. Cách thức định danh tên gọi màu sắc

Cũng như vô số các sự vật, hiện tượng khác tồn tại trong thế giới quanh chúng ta, màu sắc cũng là một đối tượng cần phải được chúng ta nhận diện, phân loại và đặt tên. Nhưng cách mà con người chúng ta phân bố các từ ngữ trong vốn từ vựng chung của mỗi cộng đồng ngôn ngữ cho vô vàn các sắc thái màu khác nhau tồn tại trong thế giới tự nhiên mà chúng ta phân biệt được là như thế nào?

Quá trình các màu sắc được nhận diện, phân loại và đặt tên là một “quá trình tinh thần (mental process) phức tạp thường được gọi là *sự phạm trù hóa* mà sản phẩm của nó là *các phạm trù tri nhận* (như các phạm trù ĐỎ, VÀNG, XANH,...) hay *các ý niệm*” [3, tr.36].

Như vậy, nói một cách khác, việc tìm hiểu quá trình *phạm trù hóa* màu sắc cũng chính là tìm hiểu *cách thức định danh tên gọi cho các màu sắc*. Việc phạm trù hóa các màu sắc hay cách thức định danh tên gọi màu sắc thể hiện ở những quá trình sau:

4.1. Thuộc tính khu biệt của màu sắc

Trước hết, màu sắc, cũng giống như các sự vật hiện tượng khác, có rất nhiều các thuộc tính, nhưng không phải thuộc tính nào của chúng cũng được lựa chọn để làm cơ sở cho việc định danh, mà chúng ta cần phải lựa chọn một vài thuộc tính mang tính phân biệt đặc thù để làm cơ sở cho sự định danh cũng như sự liên tưởng đi kèm với nó. Những thuộc tính khu biệt này còn được gọi là “*những kích thích*” (theo cách gọi của các nhà nghiên cứu tâm lý học tri nhận) hay những “*đặc trưng đập vào mắt*” [3, tr.25], được các hệ thống giác quan của chúng ta tri giác được và là những thuộc tính thu hút được sự chú ý của chúng ta. Biểu hiện cụ thể của việc lựa chọn những kích

thích hay những đặc trưng đập vào mắt của màu sắc là: trong số vô vàn các màu sắc với đa dạng các sắc thái màu khác nhau, cần phải lựa chọn *tâm điểm* (foci = focal point) của một màu nào đó. Đây chính là cách để tìm ra những thể màu đúng nhất hay có thể được gọi là những *màu sắc trung tâm* - là những màu sắc vốn được những người bản ngữ dễ dàng đồng tình trong việc phân loại và nhất quán giữa các ngôn ngữ khác nhau trong số vô vàn những sắc thái khác nhau” [4, tr.437].

Những màu sắc trung tâm còn có thể được gọi là những mẫu tốt/chuẩn nhất (the best sample), điển hình nhất (the best typical) của một phạm trù (được gọi là *điển dạng* - prototype - theo cách gọi của Rosch 1973, 1975). Đây chính là những trường hợp rõ nhất và là “đại diện tiêu biểu nhất của các vật được bao hàm trong một lớp” và là “thành viên trung tâm và điển hình” theo cách gọi của các nhà nghiên cứu như Lakoff 1986, Brown 1990, Tversky 1990. [3, tr.36]

4.2. Nhận diện và phân loại màu sắc

Sau khi lựa chọn được các kích thích (các đặc trưng đập vào mắt, các màu sắc trung tâm, các điển dạng), bước tiếp theo là nhận diện và phân loại màu sắc. Quá trình này được thực hiện bằng cách so sánh các kích thích (các đặc trưng đập vào mắt, các màu sắc trung tâm, các điển dạng) được lựa chọn ấy với những kinh nghiệm đã được tích lũy và lưu trữ trong ký ức của con người. Những kinh nghiệm của con người (mà cụ thể là *những khái niệm về lửa, mặt trời, bầu trời, rau,...*), như chúng ta đã biết, được coi là *những điểm tựa tri nhận* cho cách gọi tên màu sắc (chúng tôi đã trình bày ở phần trên). Những điểm tựa tri nhận này được Wierzbicka gọi là *những vật mẫu văn hóa*, và những *vật mẫu văn hóa* này có thể khác nhau trong các ngôn ngữ khác nhau của những quốc gia có vị trí địa lý, khí hậu, phong tục,

tập quán khác nhau, mặc dù, về cơ bản, chúng “tương đối ổn định, có tính liên ngôn ngữ và văn hóa ... bởi vì có những mẫu khái niệm cơ sở mà tất cả con người trên thế giới đều cùng chia sẻ dựa vào những kinh nghiệm chung của loài người” [6, tr.149].

4.3. Định danh tên gọi màu sắc

Kết quả từ quá trình nhận diện và phân loại màu sắc chính là những phạm trù tri nhận màu sắc hay còn gọi là *những ý niệm về màu sắc* (color concepts). Những phạm trù tri nhận màu sắc này (những ý niệm về màu sắc) tiếp đến được gọi tên (mã hóa) bằng các từ (như phạm trù tri nhận màu *đỏ* sẽ có từ chỉ màu ĐỎ, phạm trù tri nhận màu *trắng* sẽ có từ chỉ màu TRẮNG, phạm trù tri nhận màu *xanh* sẽ có từ chỉ màu XANH,...) được gọi là *các từ chỉ màu sắc* (colour terms).

Chính các từ chỉ màu sắc này sẽ cung cấp cho chúng ta những thông tin về các thuộc tính đặc thù của các phạm trù tri nhận màu sắc ấy (là những ý niệm về màu sắc) - là cái mà chúng ta thường gọi là *nghĩa của các từ chỉ màu sắc* (meaning of colour terms).

Tất nhiên, vì có những màu sắc trung tâm - hay còn gọi là những màu sắc cơ sở - nên cũng sẽ có những *từ chỉ màu sắc cơ sở* (basic colour terms - cách gọi của Berlin & Kay [4]), và *nghĩa của các từ chỉ màu sắc cơ sở* (meaning of basic colour terms).

Nói một cách khái quát, chính là việc gọi tên/ đặt tên cho các màu sắc, như Frumkina kết luận “việc gọi tên màu sắc là việc quy các biểu thị màu (các từ chỉ màu - chúng tôi nhấn mạnh) cho các mẫu màu cụ thể” và có thể được hiểu như “vấn đề về tên gọi nói chung” [dẫn theo 6, tr.102].

5. Kết luận

Tổng kết lại, tên gọi là “công cụ không thể thiếu được của tư duy trừu tượng” bởi chúng

là cái đại diện cho sự vật, thuộc tính và là “cái móc để treo những hiểu biết về sự vật, đối tượng trong tư duy”, “khiến cho bộ não khi làm việc có thể tập trung vào những thuộc tính cơ bản nhất” và có thể “hình dung đối tượng trong tính chỉnh thể của nó” [1, tr.159]. Do đó mà cách thức định danh tên gọi của các sự vật, hiện tượng, thuộc tính nói chung, của các màu sắc cơ sở nói riêng là một trong những vấn đề quan trọng trong quá trình tri nhận về thế giới thực tại của con người.

Hiểu được cách thức định danh trong quá trình tri nhận đó, con người, và đặc biệt là các nhà từ điển học càng có thể tìm hiểu thêm được xa hơn nữa những đặc trưng về nghĩa của từ chỉ màu sắc cơ sở cũng như những cơ chế tạo sinh nên các nghĩa mới của chúng khi được đưa vào định nghĩa trong các cuốn từ điển giải thích của mỗi ngôn ngữ; đồng thời có thể lĩnh hội được cả những sự đồng dạng và khác biệt thú vị trong đặc trưng văn hóa của mỗi quốc gia trên thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đỗ Hữu Châu, *Cơ sở Ngữ nghĩa học từ vựng*, Nxb. Đại học và Trung học Chuyên nghiệp, Hà Nội, 1989.
- [2] Đỗ Hữu Châu, “Các nhân tố dụng học trong cấu trúc ngữ nghĩa của từ (trên cơ sở ngữ nghĩa của các tính từ đơn âm tiết tiếng Việt)”, trong *Những vấn đề ngôn ngữ học về các ngôn ngữ phương Đông*, Viện Ngôn ngữ học, 1986.
- [3] Lý Toàn Thắng, *Ngôn ngữ học tri nhận - Từ lý thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2005.
- [4] Nguyễn Như Ý, *Từ điển giải thích thuật ngữ Ngôn ngữ học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1996.
- [5] Berlin, B. & Kay, P., *Basic color terms: Their universality and evolution*, University of California Press, Berkeley, 1969.
- [6] Lakoff, G., and Johnson, M., *Metaphors We Live By*, University of Chicago Press, Chicago, 1980.
- [7] Wierzbicka, A., “Meanings of colour terms: Semantics, culture and cognition”, *Cognitive Linguistics*, Vol.1, pp.99-150, 1990.